TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64** /2025/DS-ST
Ngày: 23 - 9 -2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Ngyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-DS ngày 13/01/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-DS ngày 15/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Q**. Trụ sở: Tầng A và tầng 2, tòa nhà S, số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tiến H, chức vụ: Cán bộ, ông Lê Huy T, ông Hồ Xuân N, ông Phạm Xuân T1, ông Nguyễn Trung H1 - Địa chỉ: Số A đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng (Theo Quyết định số 255655.24 ngày 04/12/2024, Giấy uỷ quyền số 272494.25 ngày 08/9/2025). *Ông Hồ Xuân N có mặt*

* *Bị đơn*: Bà **Võ Thị X**, sinh năm 1962 và ông **Vũ Đức T2**, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: số G đường N, tổ B, phường H, quận L, (cũ); nay là phường L, thành phố Đà Nẵng. *Ông T2 có mặt, bà X vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q trình bày:***

Ngân hàng TMCP Q đã ký kết với ông Vũ Đức T2 và vợ là bà Võ Thị X các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 7402961.23 ngày 17/01/2023 với nội dung ngân hàng cho vợ chồng ông T2 vay số tiền 6.500.000.000 đồng, mục đích vay vốn: vay bù đắp vốn tự có đề nhận chuyển nhượng bất động sản thuộc thừa đất số 19, tờ bản đồ số 18 tại tổ E, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; thời hạn vay là 68 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 18/9/2028; lãi suất tại thời điểm giải ngân 16,20%/năm; lãi suất này sẽ được ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo từng sản phẩm cộng biên độ 4,7%/năm. Ngày trả gốc đầu tiên là ngày 20/7/2023 với số tiền gốc tối thiểu phải trả mỗi kỳ là 3.520.000 đồng/kỳ. Số tiền còn lại trả vào ngày đến hạn; ngày trả lãi: hàng tháng, vào ngày 20, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 20/02/2023; ngày trả phí: theo quy định của Ngân hàng của từng thời kỳ. Ngày 18/01/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Võ Thị X và ông Vũ Đức T2 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7402961(1).23 ngày 18/01/2023 với số tiền 6.500.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 ngày 28/7/2023 với nội dung: Ngân hàng cho ông T2 và bà X vay số tiền 1.100.000.000 đồng, mục đích vay vốn: hoàn tiền mượn người thân sửa chữa nhà tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: tổ E, phường H, quận T, thành phô Đà Nẵng; thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân: 13,90%/năm, lãi suất này sẽ được áp dụng trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phâm cộng biên độ 3,4%/năm. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 30/01/2024 và số tiền gốc tối thiểu phải trả mỗi kỳ 110.000.000 đồng, số tiên còn lại trả vào kỳ cuối; ngày trả lãi: Vào ngày 30 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên 30/8/2023; trả phí theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Ngày 28/7/2023 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Võ Thị X và ông Vũ Đức T2 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8252940 (1).23 với số tiền 1.100.000.000 đồng theo đúng yêu câu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đổ số 57, địa chỉ: số G đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA613204 do UBND quận L cấp ngày 04/02/2010 cho ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 20/7/2024. Tạm tính đến ngày 20/02/2024, bà Võ Thị X và Ông Vũ Đức T2 đã trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 2.547.137.908 đồng, trong đó trả gốc 1.257.040.000 đồng, trả lãi 1.290.097.908 đồng.

Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, làm việc và đôn đốc nhưng ông T2 và bà X vẫn không trả nợ cho ngân hàng do vậy, chúng tôi khởi kiện yêu cầu ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền đến ngày xét xử là: 7.730.426.530 đồng, bao gồm:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 7402961.23 ngày 17/01/2023 là 6.538.986.239 đồng, trong đó nợ gốc 5.352.960.000 đồng và nợ lãi 442.033.611 đồng, nợ lãi quá hạn 743.992.628 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 ngày 28/7/2023 là 1.191.440.291 đồng, trong đó nợ gốc 990.000.000 đồng và nợ lãi 62.924.825 đồng, nợ lãi quá hạn 138.515.466 đồng.

Trường hợp, ông T2, bà X không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15, tờ bản đồ số 57, địa chi: Số G đường N, phường H, quận L, thành phô Đ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA613204 do UBND quận L cấp ngày 04/02/2010 cho ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X để thu hồi nợ.

**** Bị đơn là ông Vũ Đức T2 trình bày:***

Vợ chồng tôi có ký kết với Ngân hàng TMCP Q các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7402961.23 ngày 17/01/2023 với nội dung vay số tiền 6.500.000.000 đồng, mục đích vay vốn: đắp vốn tự có để nhận chuyển nhượng bất động sản thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 tại tổ E, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 ngày 28/7/2023 với nội dung vay số tiền 1.100.000.000 đồng, mục đích vay là để hoàn tiền mượn người thân sửa chữa nhà.

Đề đảm bảo khoản vay, vợ chồng tôi đã thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: số G đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA613204 do UBND quận L cấp ngày 04/02/2010 cho vợ chồng tôi.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tôi thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP Q, tính đến ngày xét xử chúng tôi còn nợ số tiền như đại diện ngân hàng đã trình bày. Vì điều kiện kinh tế hiện nay gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng tôi xin trả dần khoản nợ trên đây, trường hợp không trả được nợ thì tôi đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: số G đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để thu hồi nợ cho ngân hàng.

** Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử, bị đơn là bà Võ Thị X vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn và ông Vũ Đức T2 đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Võ Thị X vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 302, 303 của Bộ luật Dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc buộc ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X trả cho ngân hàng khoản tiền nợ, xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đủ và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2025 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn là ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X có địa chỉ cư trú tại phường L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là bà Võ Thị X nhưng bà X vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q về việc buộc bị đơn là ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ 7.730.426.530 đồng thì thấy:

Xét Hợp đồng tín dụng số 7402961.23 ngày 17/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 ngày 28/7/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Vũ Đức T2, bà Võ Thị X đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về nội dung, hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên tham gia giao dịch có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Trên cơ sở bản tổng dư nợ khách hàng, lời khai của đại diện nguyên đơn và ông Vũ Đức T2 ; Hội đồng xét xử xác định: tính đến ngày xét xử, ông Vũ Đức T2 và vợ là bà Võ Thị X còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền tổng cộng là 7.730.426.530 đồng; cụ thể:

- Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 7402961.23 ngày 17/01/2023 là 6.538.986.239 đồng, trong đó nợ gốc 5.352.960.000 đồng và nợ lãi 442.033.611 đồng, nợ lãi quá hạn 743.992.628 đồng.

- Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 ngày 28/7/2023 là 1.191.440.291 đồng, trong đó nợ gốc 990.000.000 đồng và nợ lãi 62.924.825 đồng, nợ lãi quá hạn 138.515.466 đồng.

Việc bị đơn không trả nợ gốc và tiền lãi theo đúng phân kỳ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận ký kết do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7402961.23

ngày 17/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 ngày 28/7/2023, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận, mà không thể thỏa mãn yêu cầu trả dần của ông Vũ Đức T2. Ông Vũ Đức T2, bà Võ Thị X còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2025 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

[2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: số G đường N, phường H, quận L (cũ), nay thuộc phường L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA613204 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/02/2010. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, so với Giấy chứng nhận đã được cấp thì trên đất có xây dựng thêm phần nhà với diện tích xây dựng khoảng 45m^2, kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men.

Xét tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật; Hợp đồng đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, việc thế chấp tài sản hợp pháp nên được xử lý theo Điều 302, 303 của Bộ luật Dân sự để thu hồi nợ trong trường hợp ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đủ cho ngân hàng.

Trường hợp ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ trả lại cho ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án và điều luật áp dụng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí cụ thể được xác định: 112.000.000đ + (7.730.426.530đ- 4.000.000.000đ) x 0,1% = 115.730.427 đồng. Ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X mỗi người phải chịu ½ số tiền án phí, tương đương số tiền 57.865.214 đồng.

Tuy nhiên, ông Vũ Đức T2 là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn cho ông Vũ Đức T2 toàn bộ số tiền án phí 57.865.214 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

[5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đồng ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng (đã chi xong) nên ông T2 và bà X có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 3.000.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X.

Buộc ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tổng cộng là 7.730.426.530đồng (Bảy tỷ, bảy trăm ba mươi triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm ba mươi đồng); cụ thể:

Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 7402961.23 ngày 17/01/2023 là 6.538.986.239đồng (Sáu tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 5.352.960.000đồng (Năm tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng) và nợ lãi 442.033.611đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, sáu trăm mười một

đồng), nợ lãi quá hạn 743.992.628đồng (Bảy trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm hai mươi tám đồng).

Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 ngày 28/7/2023 là 1.191.440.291đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, hai trăm chín mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc 990.000.000đồng (Chín trăm chín mươi triệu đồng) và nợ lãi 62.924.825đồng (Sáu mươi hai triệu, chín trăm hai mươi bốn ngàn, tám trăm hai mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 138.515.466đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm mười lăm ngàn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2025 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7402961.23 ngày 17/01/2023, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7402961(1).23 ngày 18/01/2023; Hợp đồng tín dụng số 8252940.23 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8252940(1).23 cùng ngày 28/7/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Xử lý tài sản thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: 74 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (nay thuộc phường L, thành phố Đà Nẵng) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA613204 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/02/2010 đứng tên Vũ Đức T2 và Võ Thị X (Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, so với Giấy chứng nhận đã được cấp thì trên đất có xây dựng thêm phần nhà với diện tích xây dựng khoảng 45m^2, kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men) được xử lý theo Điều 302, 303 của Bộ luật Dân sự để thu hồi nợ trong trường hợp ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đủ cho ngân hàng.

Khi ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ trả lại cho ông Vũ Đức T2 và bà Võ Thị X các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Ông Vũ Đức T2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Võ Thị X phải chịu 57.865.214 đồng (Năm mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm mười bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 57.378.290đồng (Năm mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm chín mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007312 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (cũ).

4. Buộc ông Vũ Đức T2, bà Võ Thị X hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc từ ngày niêm yết) bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI